Logo Protea Image not found or type unknown

# PHIẾU KẾT CA - PROTEA GARDEN

Mã phiếu: 125 | Ngày: 28/02/2026 22:23

## Thông tin ca làm việc

**Người tạo:** trung hữu

**Doanh thu:** 7.805.000 đ

**Tiền mặt:** 6.020.000 đ

**Chuyển khoản Tingbox:** 1.605.000 đ

**Tiền cơm phần:** 0 đ

**Tiền ve chai:** 0 đ

**Tiền xe hơi:** 180.000 đ

## Nguyên vật liệu cuối ca

| STT | Tên | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bánh Orio | 10.00 Cái | 0.23 Cây | 0.00 Cây | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 2 | Bột Cacao | 411.00 gram | 0.18 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 3 | Bột Đá Xay | 681.00 gram | 0.32 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 4 | Bột Milk Foam | 548.00 gram | 0.45 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 5 | Bơ Đậu Phộng | 149.00 gram | 0.26 hủ | 0.00 hủ | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 6 | Cà Phê | 192.00 gram | 1.81 túi | 0.00 túi | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 7 | Đào Ngâm | 489.00 gram | 0.40 Hộp | 0.00 Hộp | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 8 | Bánh thuyền hạt | 510.00 gram | 0.00 gói | 550.00 gói | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Syrup Đường Đen | 767.00 ml | 0.19 chai | 0.00 chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 10 | Hồng Trà | 64.00 gram | 0.89 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 11 | Soda | 9.00 lon | 3.00 Lon | 0.00 Lon | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 12 | Syrup Bạc Hà | 346.00 ml | 0.31 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 13 | Syrup Lựu Đỏ | 176.00 ml | 0.75 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 14 | Mứt Chanh Dây | 470.00 ml | 0.00 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 15 | Mứt Kiwi | 859.00 ml | 0.00 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 16 | Mứt Mãng Cầu | 198.00 ml | 0.10 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 17 | Mứt Việt Quất | 580.00 ml | 0.00 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 18 | Mứt Xoài | 795.00 ml | 0.00 Chai | 1000.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 19 | Sữa Tươi Không Đường | 769.00 ml | 2.23 Hộp | 2.00 Hộp | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 20 | Syrup Curacao | 1159.00 ml | 0.00 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 21 | Syrup Đào | 513.00 ml | 0.49 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 22 | Trà Ô Long | 120.00 gram | 0.80 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 23 | Trà Ô Long Đào | 104.00 gram | 0.83 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 24 | Sốt Matcha | 550.00 ml | 0.13 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 25 | Sốt Caramel | 100.00 ml | 0.84 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 26 | Sốt Chocolate | 437.00 ml | 0.31 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 27 | Syrup Táo | 693.00 ml | 0.00 Chai | 0.00 Chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 28 | Bột Kem Muối | 542.00 ml | 0.00 Gói | 1.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 29 | mứt bắp nữ hoàng | 88.00 ml | 0.00 Hộp | 0.00 Hộp | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 30 | mứt hồng chín | 7.00 ml | 0.00 chai | 0.00 chai | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 31 | Bia Heineken bạc | 10.00 Lon | 0.00 Lon | 0.00 Lon | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 32 | Bia Heineken xanh | 24.00 Lon | 0.00 lon | 0.00 lon | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 33 | Cam | 7264.00 gram | 0.00 Kg | 0.00 Kg | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 34 | Cà Rốt | 2579.00 gram | 0.42 Kg | 0.00 Kg | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 35 | Bánh yến mạch gạo lức đỏ | 545.00 gram | 0.00 gram | 4.40 gram | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 36 | Dưa Hấu | 2517.00 | 0.00 Trái | 0.00 Trái | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 37 | Pepsi | 32.00 lon | 0.00 lon | 0.00 lon | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 38 | Trà dưỡng tâm | 5.00 Gói | 5.00 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 39 | Trà dưỡng nhan | 5.00 Gói | 5.00 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 40 | Vải Ngâm | 9.00 Trái | 0.00 Trái | 0.00 Trái | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 41 | Đậu Phộng Tôm - Rong Biển | 7.00 Gói | 0.00 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 42 | Hướng Dương | 58.00 Gói | 0.00 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 43 | Bánh yến mạch gạo lức đỏ muối hồng | 66.00 Bịch | 0.00 Bịch | 0.00 Bịch | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 44 | Bánh Sữa Nhỏ | 66.00 Bịch | 0.00 Bịch | 0.00 Bịch | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 45 | Bột Matcha | 407.00 gram | 0.19 Gói | 0.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 46 | Trà lài | 60.00 Gram | 0.00 Gói | 10.00 Gói | Bổ sung thực tế cuối ca |

Người lập phiếu

.....

Người duyệt

.....